| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ PHỔ YÊN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 155/2019/QĐST-HN&GĐ | *Phổ Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 217/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lê Anh N, sinh năm 1976.

HKTT: xóm N, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Chị Lý Thị K, sinh năm 1980.

HKTT: xóm N, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2019.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

***1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:***

Anh Lê Anh N, sinh năm 1976.
Chị Lý Thị K, sinh năm 1980.

***2. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể như sau:***

*2.1 Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Anh N và chị Lý Thị K.

*2.2 Về con chung*: Anh N, chị K xác định vợ chồng có 04 con chung là Lê Thị Thu Hà, sinh ngày 15/6/2000; Lê Thị Hồng Vân, sinh ngày 08/7/2002; Lê Thị Huyền Trang, sinh ngày 11/8/2004; Lê Thị Thanh Nhàn, sinh ngày

28/11/2012. Anh N, chị K thỏa thuận: Anh Lê Anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Lê Thị Hồng Vân và Lê Thị Huyền Trang đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Thị Thanh Nhàn đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh N, chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với nhau, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh N, chị K đến khi có yêu cầu. Anh N, chị K có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Về con chung Lê Thị Thu Hà hiện nay đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh N, chị K không yêu cầu xem xét, giải quyết.

*Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.*

2.3 *Về tài sản chung:* Anh N được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu 03 gian nhà ở diện tích 40m2; 01 gian nhà bếp diện tích 10m2; 01 nhà tắm diện tích 09m2; 03 gian chuồng lợn diện tích 35m2; 01 sân bê tông diện tích 80m2; 1257.5 m2 đất LNC tại thửa 17 số tờ bản đồ 130; 672.5 m2 đất RST tại thửa 01 tờ bản đồ 131, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 271638 do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 26/12/2013. Hai thửa đất nêu trên tại xóm Nhội, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Anh N và chị K đều thoả thuận là không yêu cầu Toà án xem xét thẩm định, định gía tài sản và đo đạc các tài sản chung nêu trên.

Anh N và chị K thoả thuận: Anh N có trách nhiệm trích chia giá trị tài sản chung cho chị K số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Anh N, chị K thoả thuận ngày 29/7/2019 anh N có trách nhiệm trả tiền cho chị K. Trả 1 lần toàn bộ số tiền, anh N đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền ngày 29/7/2019.

Chị K được sở hữu số tiền trích chia giá trị tài sản là 5.000.000đ (năm triệu đồng) do anh N có trách nhiệm trả.

*2.4 Về Tài sản riêng:* Anh N, chị K xác định không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

*2.5 Về nợ chung:* Anh N, chị K, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phổ Yên thoả thuận: Anh N có trách nhiệm trả khoản nợ chung của vợ chồng tại Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phổ Yên là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng), cùng khoản tiền lãi hàng tháng phải trả cho đến khi thanh toán nong nợ (thời hạn trả nợ cuối cùng theo hồ sơ vay vốn ngày 16/9/2022).

*2.6 Về Án phí*: Anh N, chị K thỏa thuận: Anh N tự nguyện nhận nộp 150.000đ án phí DSST về ly hôn, và 125.000đ án phí tài sản, được trừ vào 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004393, ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Anh Lê Anh N được hoàn lại 4.725.000đ tạm ứng án phí.

Anh N, chị K không phải chịu án phí về hợp đồng vay tài sản do khoản nợ chưa đến kỳ thanh toán.

***3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ□ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.***

***Nơi nhận:***
- *VKSND tỉnh Thái Nguyên* ;
- *VKSND thị xã Phổ Yên;*
- *Cổng TTĐT TAND;*
- *Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;*
- *UBND xã Thành Công;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Kim Ngọc**